

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-12-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Hà Thị T, anh Hoàng Văn Đ trình bày thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị T và anh Đ về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh Đ tại thôn B, xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc. Từ năm 2015 chị T anh Đ sống ly thân từ đó đến nay, đến nay không còn quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ, anh Đ đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị T anh Đ có một con chung là cháu Hoàng Phi L, sinh ngày 20/8/2012. Nay ly hôn, anh Đ nhận nuôi con chung chị T đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T anh Đ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Cháu Hoàng Phi L trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh Đ khi bố mẹ ly hôn.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do. Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho chị T và anh Đ được.

Tại biên bản xác minh ông Hoàng Văn Soòng là bố đẻ anh Đ cho biết: Ông có tổ chức cưới hỏi cho anh Đ chị T vào năm 2010, sau đó anh Đ chị T chung sống cùng vợ chồng ông, đến năm 2015 thì vợ chồng anh Đ chị T phát sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị T anh Đ ly thân từ đó đến nay. Anh Đ vẫn đang ở cùng gia đình ông. Từ khi chị T anh Đ sống ly thân với nhau thì chị T anh Đ không hề quan tâm tới nhau. Con chung là cháu Hoàng Phi L từ khi anh Đ chị T ly thân vẫn do anh Đ nuôi dưỡng và ở cùng ông. Nay anh Đ chị T ly hôn thì ông không có ý kiến gì và đề nghị giao cho anh Đ nuôi con chung nếu anh Đ chị T ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn Đ, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T: Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phi L, sinh ngày 20/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Hoàng Văn Đ; anh Đ có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn Khuyên, xã Biền Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 31 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh Đ có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị T anh Đ có 01 con chung là cháu cháu Hoàng Phi L, sinh ngày 20/8/2012. Khi ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, anh Đ có nguyện vọng nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy từ khi ly thân năm 2015 đến nay anh Đ đã là người nuôi dưỡng con chung hiện nay con chung là cháu L phát triển khỏe mạnh có chỗ ở ổn Đ, không bệnh tật gì, cháu L cũng trình bày nguyện vọng muốn ở với anh Đ. Do vậy cần giao cho anh Hoàng Văn Đ nuôi dưỡng cháu Hoàng Phi L là phù hợp với quy Đ tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T: Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hoàng Phi L, sinh ngày 20/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001612 ngày 12/10/2020. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Như